

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

CÂU HỎI VÀ CÂU HỜI ĐÁP TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY
TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI: MỘT PHÂN TÍCH
TỪ QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 62 22 02 40

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội – 2023

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Câu hỏi là một trong bốn kiểu câu phân loại theo mục đích thông báo theo quan điểm của Ngữ pháp truyền thống. Xét về mặt chức năng, câu hỏi biểu hiện hành động hỏi – một hành động ngôn từ điển hình, được sử dụng phổ biến trong hoạt động giao tiếp.

Ở Việt Nam, cho đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu câu hỏi (cụ thể là câu hỏi chính danh) của tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai ở cả sách giáo khoa cũng như qua thực tiễn giảng dạy.

Việc nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài sẽ giúp ích cho việc giảng dạy và học tiếng Việt cũng như hỗ trợ việc biên soạn sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Với tất cả những lí do trên, chúng tôi đã chọn đề tài nghiên cứu **“Câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài: một phân tích từ quan điểm giao tiếp”**.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là câu hỏi (chính danh) và câu hỏi đáp tiếng Việt trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Về phạm vi nghiên cứu, luận án sẽ tiến hành khảo sát tình hình sử dụng và đặc điểm của câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động biên soạn sách dạy tiếng Việt (qua một số sách dạy tiếng Việt) và giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài (qua hoạt động dạy và học trên lớp) ở cả ba trình độ cơ sở, trung cấp và cao cấp.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu:

- Làm sáng tỏ các đặc điểm của câu hỏi chính danh và câu hỏi đáp trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt nói chung và trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nói riêng.
- Trợ giúp về lý thuyết và thực tiễn đối với việc sử dụng câu hỏi chính danh và câu hỏi đáp trong hoạt động giảng dạy tiếng Việt và biên soạn sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tìm hiểu tình hình nghiên cứu, xác lập cơ sở lý thuyết về câu hỏi và câu hỏi đáp cũng như vai trò của chúng trong hoạt động dạy tiếng nói chung và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nói riêng.
- Khảo sát tình hình sử dụng và đặc điểm của câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động biên soạn sách dạy tiếng Việt (qua một số bộ sách dạy tiếng Việt) cho người nước ngoài.
- Khảo sát tình hình hình sử dụng và đặc điểm của câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động giảng dạy tiếng Việt (qua các hoạt động dạy và học trên lớp) cho người nước ngoài.
- Nhận xét, đánh giá và đề xuất việc sử dụng, giảng dạy câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo quan điểm giao tiếp.

4. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu

4.1 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra ngôn ngữ học, phương pháp miêu tả, phương pháp so sánh và các thủ pháp.

4.2 Tư liệu nghiên cứu

Trong luận án, chúng tôi sử dụng 2 nguồn tư liệu để thu thập ngữ liệu nghiên cứu là nguồn tư liệu văn bản (để nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động biên soạn sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài) và nguồn tư liệu ghi âm (để nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài). Nguồn tư liệu văn bản gồm 13 bộ giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở ba trình độ cơ sở, trung cấp, cao cấp. Cụ thể:

A. Về giáo trình cơ sở (Pre-Elementary):

Tiếng Việt cơ sở, Quyển 1, Nguyễn Việt Hương, Nxb ĐHQG, 2017. Kí hiệu là GT1-A1.

Tiếng Việt trình độ A, tập 1, Đoàn Thiện Thuật (chủ biên), Nxb TG, 2006. Kí hiệu là GT3-A1.

Tiếng Việt trình độ A, tập 2, Đoàn Thiện Thuật (chủ biên), Nxb TG, 2006. Kí hiệu là GT4- A2.

Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài VSL1, Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), Nxb GD, 2004. Kí hiệu là GT5- A1.

Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài Vsl 2, Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), Nxb ĐHQG TP.HCM, 2008. Kí hiệu là GT6- A2.

B. Giáo trình trung cấp (Pre-Intermediate):

Tiếng Việt nâng cao, Quyển 1, Nguyễn Việt Hương, Nxb ĐHQG, 2017. Kí hiệu là GT7- B.

Thực hành tiếng Việt trình độ B, Đoàn Thiện Thuật (chủ biên), Nxb TG, 2007. Kí hiệu là GT8-B.

Tiếng Việt cho người nước ngoài VSL3, Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), Nxb GD, 2004. Kí hiệu là GT9-B1.

Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài VSL4, Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), Nxb Giáo dục, 2004. Kí hiệu là GT10- B2.

C. Giáo trình cao cấp (Upper-Intermediate):

Tiếng Việt nâng cao, Quyển 2, Nguyễn Việt Hương, Nxb ĐHQG, 2017. Kí hiệu là GT11- C.

Thực hành tiếng Việt trình độ C, Đoàn Thiện Thuật (chủ biên), Nxb TG, 2007. Kí hiệu là GT12- C.

Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài VSL5, Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), Nxb GD, 2004. Kí hiệu là GT13-C.

Về nguồn tư liệu ghi âm: bao gồm 96 băng ghi âm các tiết học ở 03 lớp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài (ứng với 3 trình độ cơ sở, trung cấp, cao cấp) tại Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

5. Ý nghĩa của đề tài

5.1 Ý nghĩa lý luận

Các kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm các đặc điểm của câu hỏi chính danh và câu hỏi đáp trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt nói chung và trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nói riêng.

5.2 Ý nghĩa thực tiễn

Về mặt thực tiễn, các kết quả nghiên cứu của luận án giúp ích trong việc sử dụng câu hỏi chính danh và câu hỏi đáp trong các hoạt động giảng dạy tiếng Việt; biên soạn sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở trình độ cơ sở, trung cấp và cao cấp.

6. Bố cục của luận án

Ngoài Phần mở đầu và Phần kết luận, cùng với Danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Chương 2: Câu hỏi – câu hỏi đáp trong các giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

Chương 3: Câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

Chương 1:

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp trong ngôn ngữ học

Trình bày tình hình nghiên cứu câu hỏi của các nhà ngôn ngữ học trên thế giới và các nhà Việt ngữ học theo hai hướng về hình thức (cấu trúc) và về chức năng (dụng học, giao tiếp).

1.1.2. Tình hình nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp trong Việt ngữ học

1.1.2.1 Nghiên cứu thiên về hình thức (cấu trúc)

Trình bày các công trình nghiên cứu về câu hỏi và câu hỏi đáp của các tác giả Bùi Đức Tịnh (1952), Nguyễn Kim Thản (1975, 1997), Hoàng Trọng Phiến (1980), nhóm tác giả “Ngữ pháp tiếng Việt” của UBKHXHVN (1983), Hồ Lê (1976), Diệp Quang Ban (1989),... .

1.1.2.2. Hướng nghiên cứu thiên chức năng (dụng học, giao tiếp)

Trình bày công trình nghiên cứu câu hỏi của các tác giả Cao Xuân Hạo (1991, 2004), Lê Đông (1994, 1996), Nguyễn Thị Thìn (1994), Lê Anh Xuân (1999, 2000, 2001, 2005), Võ Đại Quang (2000), Nguyễn Việt Tiến (2002), Nguyễn Thị Thu Hương (2003), Mai Thị Kiều Phương (2007), Nguyễn Đức Dân và Vũ Thị Thời (2007), Lê Thị Thu Hoài (2013).

1.1.3. Tình hình nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Cho đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai theo hướng cấu trúc.

Việc nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp theo hướng dụng học cũng còn khá khiêm tốn. Có một vài công trình của các tác giả như Nguyễn Bích Diệp (2011), Lê Thu Lan (2012) nghiên cứu về đoạn thoại, cặp thoại hỏi đáp. Tác giả Hoàng Thị Hà (2014), khảo sát các mẫu câu hỏi và câu cầu khiến trong các bài hội thoại.

1.2. Cơ sở lý thuyết

1.2.1. Khái niệm câu hỏi - câu hỏi đáp và phân loại câu hỏi

1.2.1.1. Khái niệm câu hỏi và câu hỏi đáp

Trình bày các khái niệm câu hỏi theo 2 xu hướng cấu trúc và chức năng của các nhà ngôn ngữ học Nguyễn Kim Thản (1964), Diệp Quang Ban (1989), Cao Xuân Hạo (1991), Nhóm tác giả Bùi Tất Tươi, Nguyễn Văn Bằng, Hoàng Xuân Tâm (1997),... .Luận án lựa chọn khái niệm câu hỏi của Diệp Quang Ban để làm tiêu chí nhận diện câu hỏi khi khảo sát nguồn tư liệu.

1.2.1.2. Phân loại câu hỏi tiếng Việt

Trình bày các cách phân loại câu hỏi của các tác giả tiêu biểu Nguyễn Kim Thản (1964), Hoàng Trọng Phiến (1980), Diệp Quang Ban (1989), Nguyễn Phú Phong, Cao Xuân Hạo (1991). Luận án lựa chọn cách phân loại của Diệp Quang Ban để phân loại câu hỏi chính danh: *Câu hỏi dùng phụ từ (CHDPT)*, *câu hỏi có đại từ nghi vấn (CHCĐTNV)*, *câu hỏi lựa chọn (CHLC)*, *câu hỏi dùng tiểu từ chuyên dụng (CHDTTCD)*.

1.2.2 Câu hỏi và câu hỏi đáp trong lý thuyết hội thoại

1.2.2.1. Hội thoại và lý thuyết hội thoại

Trình bày khái niệm hội thoại của Nguyễn Đức Dân (1998), Đỗ Hữu Châu (2010), Nguyễn Thiện Giáp (2008).

1.2.2.2 Các đặc điểm của hội thoại

Trình bày các đặc điểm của hội thoại (đặc điểm nội tại, đặc điểm bên ngoài); Cấu trúc hội thoại; Chức năng của hội thoại; cặp thoại và các đặc điểm của cặp thoại

1.2.3. Câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy ngoại ngữ

1.2.3.1. Hoạt động dạy ngoại ngữ và các lý thuyết dạy ngoại ngữ

Trình bày quan niệm về hoạt động dạy ngoại ngữ và các lý thuyết dạy ngoại ngữ (các hướng tiếp cận, các phương pháp dạy ngoại ngữ...)

1.2.3.2. Lý thuyết dạy ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp

Trình bày phương pháp dạy ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp

1.2.3.3. Các vấn đề đặt ra đối với câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp

Vấn đề thứ nhất là việc lựa chọn kiểu câu hỏi để phù hợp với mục đích học của học viên và trình độ của học viên. *Vấn đề thứ hai* ở đây là việc đưa các kiểu cấu trúc câu hỏi vào giáo trình giảng dạy như thế nào. *Vấn đề thứ ba* là vận dụng vào thực tiễn, câu hỏi sẽ được giảng dạy như thế nào trong lớp học

Chương 2:

KHẢO SÁT CÂU HỎI – ĐÁP TRONG CÁC GIÁO TRÌNH DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

2.1. Câu hỏi trong các giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

Khảo sát các loại câu hỏi trong 13 giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, chúng tôi thu được 1357 câu hỏi gồm 429 CHDPT (32%), 685 CHCĐTNV (50%), 44 CHLC (3%), 199 CHDTTCD (15%).

2.1.1. Các kiểu câu hỏi trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

2.1.1.1. Câu hỏi dùng phụ từ

Loại câu hỏi này gồm có 3 kiểu nhỏ. Kết quả khảo sát cho thấy trình độ cơ sở sử dụng nhiều loại câu hỏi này nhất (chiếm 51%). Sau đó lần lượt đến trình độ trung cấp (30%), trình độ cao cấp (19%). Trong đó kiểu 1 được sử dụng nhiều nhất, sau đó lần lượt đến kiểu 2

và kiểu 3. Trong kiểu 1 có 61 biến thể (41 biến thể 1, 16 biến thể 2, 4 biến thể 3), Kiểu 2 có 20 biến thể, Kiểu 3 không có biến thể.

2.1.1.2 Câu hỏi có đại từ nghi vấn.

Loại câu hỏi này gồm có 6 kiểu nhỏ. Kết quả khảo sát cho thấy trình độ cơ sở sử dụng số lượng CHCĐTNV nhiều nhất với 372 câu (chiếm 54%), trình độ trung cấp sử dụng nhiều thứ 2 với 170 câu (chiếm 25%), trình độ cao cấp sử dụng 143 câu (chiếm 21%). Đây là loại câu hỏi được sử dụng nhiều nhất trong các loại câu hỏi chính danh.

Theo kết quả khảo sát ở 3 trình độ, kiểu 1 sử dụng nhiều nhất (chiếm 38%) sau đó đến kiểu 2 (20%), kiểu 5 (13%), kiểu 4 (12%), kiểu 6 (9%), kiểu 3 (6%).

2.1.1.3. Câu hỏi lựa chọn

Đây là loại câu hỏi không có các kiểu câu hỏi nhỏ, không có các biến thể. Số lượng CHLC được sử dụng ít nhất trong 4 loại câu hỏi. Số lượng CHLC ở mỗi trình độ không chênh lệch nhau nhiều. Số lượng CHLC được sử dụng ở trình độ trung cấp nhiều nhất (chiếm 43%). Sau đó lần lượt đến các trình độ cơ sở (39%), cao cấp (18%)

2.1.1.4. Câu hỏi dùng tiểu từ chuyên dụng

Loại câu hỏi này gồm có 6 kiểu nhỏ. Kết quả khảo sát cho thấy CHDĐTCD được sử dụng nhiều nhất ở trình độ cao cấp (chiếm 40%). Sau đó lần lượt đến trình độ trung cấp (33%), trình độ cơ sở (27%).

Khảo sát 6 kiểu CHDĐTCD ở cả 3 trình độ cho thấy: kiểu 1 được sử dụng nhiều nhất 92 câu (46% câu), sau đó lần lượt đến kiểu 5 với 49 câu (chiếm 24%), kiểu 3 với 37 câu (chiếm 18%), kiểu 4 với 10 câu (chiếm 5%), kiểu 6 với 9 câu (4%), kiểu 2 với 2 câu (chiếm 1%).

2.1.2. Phân bố các kiểu câu hỏi của câu hỏi trong 13 giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

2.1.2.1. Phân bố theo trình độ của giáo trình

a) Giữa các giáo trình khác trình độ

- *Sự phân bố CHDPT*

Kết quả khảo sát cho thấy: các giáo trình có số lượng CHDPT tương đương nhau. Các giáo trình có xu hướng sử dụng kiểu 1 nhiều

nhất (chiếm 82%), sau đó đến kiểu 2 (17%). Phần lớn các giáo trình không sử dụng kiểu 3 hoặc sử dụng nhưng số lượng rất ít (1%).

- *Sự phân bố CHCĐTNV*

Kết quả khảo sát cho thấy: Số lượng CHCĐTNV giữa các giáo trình có sự chênh lệch nhưng không lớn. Các giáo trình đều có xu hướng sử dụng kiểu 1 nhiều nhất, kiểu 3 ít nhất (hoặc không sử dụng). Các kiểu còn lại, mỗi giáo trình sử dụng khác nhau. Cùng trong một trình độ nhưng có sự khác biệt lớn về cách sử dụng CHCĐTNV giữa các giáo trình. Một số giáo trình không sử dụng một vài kiểu câu hỏi.

- *Sự phân bố CHLC*

Kết quả khảo sát cho thấy: câu hỏi lựa chọn được sử dụng rất ít trong các giáo trình. Các giáo trình có số lượng câu hỏi chênh nhau không lớn. Các giáo trình trung cấp sử dụng CHLC nhiều nhất (19 câu), sau đó đến các giáo trình cơ sở (17 câu) và cao cấp (8 câu).

- *Sự phân bố CHDTTCD*

Kết quả khảo sát cho thấy CHDTTCD được sử dụng rất ít trong các giáo trình. Các giáo trình có xu hướng sử dụng kiểu 1 nhiều nhất. Một số kiểu câu hỏi không được sử dụng trong các giáo trình như kiểu 2,3,4,5. Không có giáo trình nào sử dụng đủ cả 6 kiểu câu hỏi. Có sự chênh lệch về số lượng các kiểu câu trong giáo trình và số lượng câu giữa các giáo trình. Các kiểu CHDTTCD được sử dụng nhiều nhất ở các giáo trình cao cấp, sau đó đến các giáo trình trung cấp cơ sở.

Từ các kết quả khảo sát 4 loại câu hỏi được phân bố trong các giáo trình khác trình độ, chúng tôi đưa ra các đánh giá sau:

Số lượng 4 loại câu hỏi (CHDPT, CHCĐTNV, CHLC, CHDTTCD) phân bố trong các giáo trình không đồng đều. Cụ thể CHCĐTNV được phân bố rất nhiều (685 câu), 3 loại câu hỏi còn lại được phân bố với số lượng ít.

Trong mỗi câu hỏi chỉ tập trung sử dụng một số kiểu câu hỏi nhỏ, các kiểu còn lại sử dụng rất ít hoặc không sử dụng. Điều này tạo nên sự chênh lệch lớn về số lượng giữa các kiểu nhỏ của một loại câu hỏi.

b) Giữa các giáo trình tương đương về trình độ

- ***Trình độ cơ sở***

Số lượng câu hỏi được sử dụng trong mỗi giáo trình khác nhau và có sự chênh lệch. Các giáo trình đều có xu hướng sử dụng CHCĐTNV nhiều nhất (chiếm 56%). Sau đó lần lượt đến CHDPT (219 câu chiếm 33%), CHDTTCD (chiếm 8%). CHLC (chiếm 3%). Số lượng câu hỏi giữa các loại chênh nhau khá lớn. Cụ thể số lượng CHCĐTNV là 372 câu trong đó CHLC chỉ có 17 câu.

- ***Trình độ trung cấp***

Số lượng các loại câu hỏi được phân bố ở trình độ này ít hơn ở trình độ cơ sở. Số lượng câu hỏi sử dụng trong mỗi giáo trình khác nhau nhưng không có sự chênh lệch lớn. Các giáo trình đều có xu hướng sử dụng CHCĐTNV nhiều nhất, sau đó lần lượt đến CHDPT, CHDTTCD, CHLC được sử dụng ít nhất.

- ***Trình độ cao cấp***

Số lượng câu hỏi phân bố ở trình độ này giảm đi so với trình độ cơ sở và trung cấp. Số lượng câu hỏi được sử dụng giữa các giáo trình khá đồng đều. GT11-C sử dụng câu hỏi nhiều nhất (110 câu), GT13-C (102 câu), GT12-C (99 câu). Cả 3 giáo trình đều có xu hướng sử dụng CHCĐTNV nhiều nhất (143 câu chiếm 46%), sau đó lần lượt đến CHDPT (81 câu chiếm 26%), CHDTTCD (79 câu chiếm 25%), CHLC (08 câu chiếm 3%).

Qua kết quả khảo sát các câu hỏi phân bố ở 3 bộ giáo trình tương đương về trình độ, chúng tôi có đánh giá như sau:

Số lượng câu hỏi phân bố ở bộ giáo trình cơ sở nhiều nhất (gấp khoảng 2 lần so với 2 bộ giáo trình trung cấp và cao cấp). Tuy nhiên số lượng các loại câu hỏi được phân bố trong các giáo trình cơ sở không đồng đều. Ở các giáo trình trung cấp và cao cấp số lượng câu hỏi được phân bố ít hơn nhưng đồng đều hơn so với các giáo trình cơ sở.

Cả 3 bộ giáo trình cơ sở, trung cấp, cao cấp đều có xu hướng sử dụng CHCĐTNV nhiều nhất, sau đó lần lượt đến CHDPT, CHDTTCD, CHLC.

2.1.2.2. Phân bố theo bố cục (cấu trúc) của giáo trình

Cấu trúc chung cho một bài học trong 13 giáo trình I: (1) Hội thoại, (2) Ghi chú ngữ pháp, (3) Bài luyện, (4) bài đọc, (5) Bài tập

• **Trình độ cơ sở**

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng câu hỏi phân bố giữa các phần trong bài học có sự chênh lệch lớn. Cụ thể phần Bài luyện sử dụng nhiều câu hỏi nhất (67%), sau đó lần lượt đến các phần Bài tập (18%), Hội thoại (9%), Ghi chú Ngữ pháp (5%). Phần bài đọc có một số giáo trình không sử dụng loại câu hỏi này. Có sự chênh lệch về số lượng câu hỏi phân bố giữa các giáo trình.

Khảo sát các loại câu hỏi phân bố trong cấu trúc bài học ở các giáo trình cơ sở, kết quả cho thấy CHCĐTNV phân bố nhiều nhất (61%), sau đó đến CHDPT (31%), CHDTTCD (4%), CHLC (4%). Có sự chênh lệch lớn về số lượng giữa các kiểu câu trong một giáo trình và giữa các giáo trình cùng trình độ.

• **Trình độ trung cấp**

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng câu hỏi được phân bố trong cấu trúc bài học của các giáo trình trung cấp đã giảm đáng kể so với trình độ cơ sở. Có sự chênh lệch về số lượng câu hỏi sử dụng giữa các phần trong cấu trúc. Các câu hỏi vẫn được phân bố nhiều nhất ở phần Bài luyện (65%), sau đó lần lượt đến các phần Bài tập (16%), Hội thoại (14%), ngữ pháp (4%), Bài đọc (1%). Có sự chênh lệch lớn về số lượng câu hỏi phân bố giữa các giáo trình.

Khảo sát các loại câu hỏi phân bố trong cấu trúc bài học ở các giáo trình trung cấp, kết quả cho thấy CHCĐTNV phân bố nhiều nhất trong cấu trúc bài học (58%), sau đó lần lượt đến CHDPT (28%), CHDTTCD (10%), CHLC (4%). Có sự chênh lệch khá lớn giữa các kiểu câu hỏi trong cùng một giáo trình.

• **Trình độ cao cấp**

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng câu hỏi chính danh được phân bố trong cấu trúc bài học của các giáo trình cao cấp đã giảm so với các giáo trình cơ sở và trung cấp. Số lượng câu hỏi phân bố trong các phần của cấu trúc bài học khá chênh lệch. Phần bài luyện có số

lượng câu hỏi phân bố nhiều nhất. Sau đó lần lượt đến phần Bài tập, phần Hội thoại. Phần bài đọc có số lượng câu hỏi phân bố ít nhất. Có sự chênh lệch về số lượng câu hỏi giữa các giáo trình.

Khảo sát các loại câu hỏi phân bố trong cấu trúc bài học ở các giáo trình cao cấp, kết quả cho thấy CHCĐTNV được sử dụng nhiều nhất (55%). Sau đó đến CHDPT (28%), CHDTTCD (15%). CHLC được sử dụng ít nhất (2%). Số lượng các kiểu câu phân bố không đồng đều trong một giáo trình.

Qua các kết quả khảo sát trên, chúng tôi có đánh giá về sự phân bố các câu hỏi trong cấu trúc bài học ở cả 3 giáo trình như sau:

Số lượng câu hỏi phân bố không đồng đều trong các phần của bài học (phân bố nhiều nhất trong phần Bài luyện, sau đó đến phần Bài tập, Hội thoại, Ghi chú ngữ pháp, Bài đọc).

Số lượng các loại câu hỏi phân bố không đồng đều (CHCĐTNV phân bố nhiều nhất, sau đó đến CHDPT, CHDTTCD, CHLC)

Số lượng câu hỏi trong bố giữa các giáo trình không đồng đều.

2.1.3 Nhận xét về câu hỏi trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài từ quan điểm giao tiếp

Về tình hình sử dụng các kiểu câu hỏi:

Các giáo trình đều sử dụng các kiểu của câu hỏi chính danh trong phần hội thoại. Tuy nhiên có một hiện tượng là các giáo trình tập trung sử dụng một loại câu hỏi, kiểu câu hỏi nhỏ. Số lượng các câu hỏi được sử dụng trong các các giáo trình có sự chênh lệch. Câu hỏi được sử dụng nhiều nhất ở trình độ cơ sở, sau đó đến trình độ trung cấp và cao cấp.

Về sự phân bố câu hỏi trong các giáo trình khác trình độ:

Chúng tôi nhận thấy số lượng 4 loại câu hỏi phân bố trong các giáo trình không đồng đều. CHCĐTNV được phân bố nhiều nhất trong các giáo trình. Sau đó lần lượt đến CHDPT, CHDTTCD, CHLC. Trong mỗi loại câu hỏi, chỉ tập trung phân bố nhiều vào một kiểu câu hỏi nhỏ.

Trong các giáo trình, giáo trình cơ sở có số lượng câu hỏi phân bố nhiều nhất, sau đó đến các giáo trình trung cấp và cuối cùng là giáo trình cao cấp.

Về sự phân bố câu hỏi trong các giáo trình tương đương về trình độ:

Số lượng câu hỏi được phân bố nhiều nhất ở trình độ cơ sở, sau đó đến trình độ trung cấp và cao cấp.

Ở trình độ cơ sở, số lượng câu hỏi phân bố giữa các giáo trình chênh lệch nhau, giữa các loại câu hỏi của một giáo trình cũng chênh lệch nhau nhiều.

Ở trình độ trung cấp và cao cấp không có sự chênh lệch số lượng câu hỏi giữa các giáo trình nhưng có sự chênh lệch về số lượng câu hỏi giữa các loại câu trong một giáo trình.

Ở cả ba trình độ đều sử dụng CHCĐTNV nhiều nhất trong 4 loại câu hỏi.

Về sự phân bố câu hỏi trong cấu trúc bài học trong các giáo trình:

Số lượng câu hỏi phân bố trong cấu trúc bài học nhiều nhất ở trình độ cơ sở, sau đó lần lượt đến trình độ trung cấp và cao cấp (trình độ cơ sở có 3815 câu hỏi, trình độ trung cấp có 1501 câu hỏi, trình độ cao cấp có 1210 câu hỏi).

Số lượng câu hỏi ở cả 3 trình độ phân bố không đồng đều trong cấu trúc bài học. Cụ thể câu hỏi phân bố nhiều nhất ở phần bài luyện, sau đó đến phần Bài tập, Hội thoại, Ghi chú ngữ pháp, Bài đọc.

Trong cả 3 trình độ cơ sở, trung cấp và cao cấp, CHCĐTNV được phân bố nhiều nhất trong cấu trúc bài học. Sau đó lần lượt đến CHDPT, CHDTTCD, CHLC.

2.2 Câu hỏi đáp trong các giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

2.2.1. Các kiểu câu hỏi đáp trong giáo trình dạy tiếng Việt

2.2.1.1. Câu hỏi đáp của câu hỏi dùng phụ từ

Theo kết quả khảo sát, số lượng câu hỏi đáp ở trình độ cơ sở lớn nhất (54%), số lượng CHĐ lớn thứ hai là ở trình độ trung cấp (28%). Trình độ cao cấp có số lượng CHĐ ít nhất (17%).

Khảo sát CHĐ của các kiểu CHDPT trong các giáo trình ở 3 trình độ, kết quả cho thấy CHĐ kiểu 1 được sử dụng nhiều nhất (chiếm 84%). Sau đó đến CHĐ kiểu 2 (15%) và 3 (1%). Số lượng CHĐ giữa các kiểu trong cùng một trình độ chênh nhau khá lớn. Số lượng CHĐ không tương ứng với số lượng CHDPT.

2.2.1.2. Câu hỏi đáp của câu hỏi có đại từ nghi vấn

Theo kết quả khảo sát, số lượng CHĐ được sử dụng ở 3 trình độ chênh lệch nhau. Cụ thể ở trình độ cơ sở, CHĐ được sử dụng nhiều (57%). Số lượng CHĐ ở trình độ trung cấp (22%) và cao cấp (21%) tương đương nhau. Số lượng CHĐ không tương ứng CHCĐTNV (giảm 76 câu).

Khảo sát CHĐ của các kiểu CHCĐTNV trong các giáo trình ở 3 trình độ, kết quả cho thấy số lượng CHĐ kiểu 1 nhiều nhất (38%), Sau đó đến CHĐ kiểu 2 (20%), CHĐ của các kiểu còn lại chênh nhau không nhiều. Các giáo trình có xu hướng sử dụng CHĐ kiểu 1 nhiều nhất, các kiểu còn lại mỗi giáo trình có xu hướng sử dụng số lượng CHĐ khác nhau.

2.2.1.3. Câu hỏi đáp của câu hỏi lựa chọn

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng CHĐ sử dụng ở cả 3 trình độ chênh nhau không nhiều. Trình độ cơ sở, số lượng CHĐ được sử dụng nhiều nhất (41%), sau đó đến CHĐ trình độ trung cấp (39%), CHĐ trình độ cao cấp (19%).

Số lượng CHĐ khá tương ứng với số lượng CHLC.

2.2.1.4. Câu hỏi đáp của câu hỏi dùng tiểu từ chuyên dụng

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng CHĐ của CHDTTCD ở các trình độ chênh nhau không nhiều. Trình độ cao cấp, số lượng CHĐ được sử dụng nhiều nhất (47%), sau đó đến CHĐ trình độ trung cấp (32%), CHĐ trình độ cơ sở (21%). Số lượng CHĐ không tương ứng với số lượng CHDTTCD.

Khảo sát CHĐ của các kiểu CHDTTCD trong các giáo trình ở 3 trình độ, kết quả cho thấy CHĐ kiểu 1 sử dụng nhiều nhất (46%), Sau đó đến CHĐ kiểu 5 (28%), CHĐ kiểu 3 (15%), CHĐ kiểu 6 (5%),

CHĐ kiểu 4 (5%), CHĐ kiểu 2 (1%). Số lượng CHĐ không tương ứng với số lượng CHDTTCD.

2.2.2. Phân bố của câu hỏi đáp trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

2.2.2.1. Phân bố theo trình độ của giáo trình

a) Giữa các giáo trình khác trình độ

- **Sự phân bố CHĐ của CHDPT**

Khảo sát sự phân bố CHĐ của các kiểu CHDPT trong 13 giáo trình, kết quả cho thấy các giáo trình sử dụng CHĐ số lượng tương đương nhau. Các giáo trình có xu hướng sử dụng CHĐ kiểu 1 nhiều nhất, sau đó đến CHĐ kiểu 2. Phần lớn các giáo trình không sử dụng CHĐ kiểu 3, một vài giáo trình sử dụng kiểu 3 nhưng số lượng rất ít (1 câu)

Số lượng CHĐ không tương ứng với số lượng CHDPT.

- **Sự phân bố CHĐ của CHCĐTNV**

Khảo sát sự phân bố CHĐ của các kiểu CHCĐTNV trong các giáo trình, kết quả cho thấy: số lượng CHĐ của CHCĐTNV giữa các giáo trình có sự chênh lệch nhưng không lớn. Các giáo trình đều có xu hướng sử dụng kiểu 1 nhiều nhất, kiểu 3 ít nhất (hoặc không sử dụng). Các kiểu còn lại, mỗi giáo trình sử dụng khác nhau.

- **Sự phân bố CHĐ của CHLC**

Khảo sát sự phân bố CHĐ của CHLC, kết quả cho thấy số lượng CHĐ giữa các giáo trình chênh nhau không lớn. Các giáo trình ở trình độ trung cấp sử dụng nhiều CHĐ nhất. Trong đó GT6-A2, GT9-B1, GT11-C sử dụng nhiều CHĐ nhất. GT3-A1 không sử dụng CHĐ.

- **Sự phân bố CHĐ của CHDTTCD**

Khảo sát sự phân bố CHĐ của CHDTTCD, kết quả cho thấy các giáo trình có xu hướng sử dụng kiểu 1 nhiều nhất (chiếm 46% tổng số CHĐ), sau đó lần lượt đến CHĐ kiểu 5 (chiếm 28%), CHĐ kiểu 3 (chiếm 15%), CHĐ các kiểu còn lại được sử dụng rất ít. Có sự chênh lệch lớn về số lượng giữa CHĐ của các kiểu câu, giữa các giáo trình. Từ kết quả khảo sát CHĐ của 4 loại câu hỏi chính danh được phân bố trong các giáo trình khác trình độ, chúng tôi có đánh giá sau:

- Số lượng CHĐ của 4 loại câu hỏi phân bố không đồng đều. Cụ thể CHĐ của CHCĐTNV phân bố nhiều nhất (609 câu), CHĐ của CHDPT 373 câu, CHĐ của CHDTTCD 123 câu, CHĐ của CHLC 38 câu.
- Mỗi loại câu hỏi chỉ tập trung sử dụng một số kiểu, các kiểu còn lại được sử dụng rất ít hoặc không sử dụng. Điều này tạo nên sự chênh lệch rất lớn về số lượng giữa các kiểu nhỏ của một loại câu hỏi.
- Số lượng CHĐ giữa các giáo trình ở cùng một trình độ khá đồng đều.

b) Giữa các giáo trình tương đương trình độ

- Trình độ cơ sở

Khảo sát CHĐ của 4 loại câu hỏi phân bố trong các giáo trình cơ sở, kết quả cho thấy số lượng CHĐ của CHCĐTNV được sử dụng nhiều nhất (59%), sau đó đến CHĐ của CHDPT(34%), CHĐ của CHDTTCD (4%), CHĐ của CHLC (3%). Số lượng CHĐ phân bố lớn nhưng không đều trong các giáo trình cơ sở. Số lượng CHĐ giảm so với số lượng câu hỏi.

- Trình độ trung cấp

Khảo sát CHĐ của 4 loại câu hỏi phân bố trong các giáo trình trung cấp, kết quả cho thấy CHĐ của CHCĐTNV được phân bố nhiều nhất trong phần hội thoại. Sau đó lần lượt đến CHĐ của các loại CHDPT, CHDTTCD, CHLC. Số lượng CHĐ phân bố khá đồng đều giữa các giáo trình trung cấp.

- Trình độ cao cấp

Khảo sát CHĐ của 4 loại câu hỏi phân bố trong các giáo trình cao cấp, kết quả cho thấy CHĐ của CHCĐTNV được phân bố nhiều nhất (50%). Sau đó lần lượt đến CHĐ của các loại CHDPT (25%), CHCTTCD (23%), CHLC (2%). Số lượng CHĐ phân bố trong các giáo trình cao cấp tương đương nhau.

2.2.2.2. Phân bố theo cấu trúc của giáo trình

Khảo sát CHĐ trong cấu trúc bài học của 13 giáo trình, kết quả cho thấy số lượng CHĐ phân bố chênh lệch giữa các phần trong bài học. Cụ thể là phần bài luyện có số lượng CHĐ nhiều nhất (chiếm 67%), sau đó lần lượt đến các phần bài tập (16%), phần hội thoại (12%), phần ghi chú ngữ pháp (4%), phần bài đọc (1%).

Khảo sát CHĐ của các loại câu hỏi được phân bố trong cấu trúc bài học ở 13 giáo trình, kết quả cho thấy CHĐ của CHCĐTNV phân bố nhiều nhất trong cấu trúc bài học (60%). Sau đó lần lượt đến CHĐ của CHDPT (30%), CHCTTCD (7%), CHLC (3%).

2.2.3. Nhận xét câu hỏi đáp trong các giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài từ quan điểm giao tiếp

Về các kiểu câu hỏi đáp:

Số lượng câu hỏi đáp được đưa vào hội thoại không tương ứng với số lượng câu hỏi. Số lượng CHĐ của các loại câu hỏi đưa vào các giáo trình không đồng đều. Các giáo trình chỉ tập trung sử dụng một CHĐ của một kiểu.

Về sự phân bố câu hỏi đáp trong các giáo trình khác trình độ:

Ở trình độ cơ sở và trung cấp không có sự chênh lệch lớn về số lượng CHĐ giữa các giáo trình. Ở trình độ cao cấp, có sự chênh lệch về số lượng CHĐ giữa các giáo trình. Tuy nhiên ở cả 3 trình độ lại có sự chênh lệch lớn về số lượng CHĐ giữa các kiểu câu của một giáo trình do các giáo trình chỉ tập trung sử dụng một kiểu câu, các kiểu còn lại sử dụng rất ít hoặc không sử dụng.

Phần lớn số lượng CHĐ không tương ứng với số lượng câu hỏi. Chỉ có CHĐ của CHLC khá tương ứng với CHLC.

Về sự phân bố câu hỏi đáp trong các giáo trình tương đương về trình độ:

CHĐ của câu hỏi phân bố nhiều nhất trong các giáo trình cơ sở, sau đó đến giáo trình trung cấp và cuối cùng là giáo trình cao cấp

Số lượng phân bố của mỗi loại câu hỏi đáp có sự chênh lệch nhau lớn. Trong đó câu hỏi đáp của CHCĐTNV được phân bố nhiều nhất, sau đó lần lượt đến CHDPT, CHDTTCD, CHLC.

Về sự phân bố câu hỏi đáp trong cấu trúc bài học của các giáo trình:

Số lượng câu hỏi đáp được phân bố trong cấu trúc bài học giảm đi so với số lượng câu hỏi. Câu hỏi đáp được phân bố với số lượng lớn trong cả 3 trình độ và có xu hướng giảm dần theo trình độ từ thấp đến cao. Trong cả 3 trình độ, số lượng câu hỏi đáp được phân bố nhiều nhất trong phần bài luyện, sau đó đến phần bài tập, phần hội thoại, phần ghi chú ngữ pháp và cuối cùng là phần bài đọc

Chương 3:

KHẢO SÁT CÂU HỎI - ĐÁP TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

3.1 Câu hỏi chính danh trong hoạt động dạy học trên lớp học

3.1.1 Câu hỏi dùng phụ từ

3.1.1.1. Kết quả khảo sát câu hỏi dùng phụ từ trong lớp học

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng câu hỏi dùng phụ từ được sử dụng trong lớp học ở 3 trình độ khá nhiều và không có sự chênh lệch lớn. Ở trình độ cao cấp sử dụng CHDPT nhiều nhất (49%), sau đó đến trình độ cơ sở (27%), trình độ trung cấp (25%).

3.1.1.2. Kết quả khảo sát các kiểu CHDPT

Kết quả cho thấy cả 3 trình độ đều có xu hướng sử dụng các kiểu câu hỏi giống nhau như sử dụng kiểu 1 nhiều nhất. Sau đó lần lượt đến kiểu 2 và kiểu 3. Ở mỗi trình độ số lượng các kiểu câu hỏi được sử dụng khác nhau và có sự chênh lệch rất lớn giữa các kiểu câu hỏi. Xuất hiện các biến thể.

3.1.1.3 Đánh giá về việc sử dụng CHDPT trong các lớp học ở trình độ cơ sở, trung cấp, cao cấp

Số lượng CHDPT được sử dụng trong các lớp học ở 3 trình độ khác nhau và có sự chênh lệch lớn giữa 3 trình độ.

Về tình hình sử dụng các kiểu CHDPT trong các lớp học ở 3 trình độ: Số lượng các kiểu CHDPT được sử dụng trong cả ba trình độ khác nhau và có sự chênh lệch lớn giữa các kiểu. Xuất hiện các biến thể.

3.1.2. Câu hỏi có đại từ nghi vấn

3.1.2.1 Kết quả khảo sát loại CHCĐTNV trong lớp học

Kết quả khảo sát trên cho thấy đây là loại câu hỏi được sử dụng nhiều nhất trong các loại câu hỏi chính danh. Trong đó ở trình độ cơ sở, số lượng câu hỏi này được sử dụng nhiều nhất (36,3%), sau đó đến trình độ cao cấp (35,8%), trình độ trung cấp (27,8%).

3.1.2.2. Kết quả khảo sát các kiểu câu hỏi của loại CHCĐTNV trong lớp học

Theo kết quả khảo sát có 6 kiểu CHCĐTNV được sử dụng trong lớp học ở cả ba trình độ. Trong đó kiểu 1 được sử dụng nhiều nhất (53%), sau đó lần lượt đến kiểu 2 (14%), kiểu 5 (12%), kiểu 6 (7%), kiểu 4 (7%), kiểu 3 (6%). Mỗi trình độ có xu hướng sử dụng các kiểu CHCĐTNV khác nhau.

3.1.2.3 Đánh giá về việc sử dụng CHCĐTNV trong các lớp học ở trình độ cơ sở, trung cấp, cao cấp

Số lượng CHCĐTNV được sử dụng rất nhiều trong lớp học ở cả 3 trình độ. Trong đó số lượng CHCĐTNV ở trình độ cơ sở được sử dụng nhiều nhất, sau đó lần lượt đến trình độ cao cấp, trung cấp.

Số lượng CHCĐTNV được sử dụng trong lớp học ở 3 trình độ không chênh nhau nhiều.

Có sự chênh lệch lớn giữa các kiểu CHCĐTNV ở mỗi trình độ. Đây là loại câu hỏi không có biến thể.

3.1.3. Câu hỏi lựa chọn

3.1.3.1 Kết quả khảo sát CHLC ở 3 trình độ

Khảo sát CHLC trong các lớp học ở 3 trình độ, kết quả cho thấy trình độ trung cấp, loại câu hỏi này được sử dụng nhiều nhất (46%), sau đó lần lượt đến trình độ cơ sở (35%), trình độ cao cấp (19%).

3.1.3.2 Đánh giá về việc sử dụng CHLC trong các lớp học ở trình độ cơ sở, trung cấp và cao cấp

Số lượng CHLC sử dụng trong lớp học ở mỗi trình độ rất ít. Đây là loại câu hỏi chính danh được sử dụng ít nhất trong 4 loại câu hỏi chính danh. Đây cũng là loại câu hỏi chính danh duy nhất không có kiểu câu hỏi nhỏ, không có biến thể.

Số lượng CHLC sử dụng trong các lớp học ở cả 3 trình độ đều chênh nhau. Cụ thể ở trình độ cơ sở và trung cấp, số lượng có chênh nhau nhưng không đáng kể. Tuy nhiên số lượng CHLC ở hai trình độ này chênh đáng kể so với trình độ cao cấp.

3.1.4. Câu hỏi dùng từ chuyên dụng

3.1.4.1 Kết quả khảo sát loại CHDTTCD trong các lớp học ở 3 trình độ cơ sở, trung cấp và cao cấp

Kết quả khảo sát cho thấy cả ba trình độ đều sử dụng loại câu này nhưng số lượng loại câu này sử dụng trong lớp học rất ít. Cụ thể ở trình độ cao cấp, loại câu hỏi này được sử dụng nhiều nhất là 134 phiếu (48%), tiếp theo đến trình độ cơ sở là 103 phiếu (37%). Trình độ trung cấp, loại câu hỏi này được sử dụng ít nhất là 45 phiếu (16%).

3.1.4.2. Kết quả khảo sát kiểu câu hỏi của CHDTTCD

Kết quả khảo sát cho thấy cả ba trình độ đều không sử dụng kiểu 2,6. Trong đó cả ba trình độ đều có xu hướng sử dụng kiểu 4 nhiều nhất (61%), sau đó đến kiểu 1 (29%) và kiểu 3 (9%).

Cả trình độ cơ sở và trung cấp đều có xu hướng không sử dụng kiểu 2 và kiểu 5 trong lớp học. Trình độ cao cấp có sử dụng kiểu 5 nhưng số lượng rất ít (2%) và không sử dụng kiểu 2.

3.1.4.3 Đánh giá về việc sử dụng CHDTTCD trong các lớp học ở 3 trình độ cơ sở, trung cấp và cao cấp

Đây là loại câu hỏi chính danh được sử dụng ít thứ 2 (sau CHLC) trong các lớp học ở cả 3 trình độ. Số lượng các CHDTTCD ở mỗi trình độ khác nhau và có sự chênh lệch lớn. Cụ thể ở trình độ cao cấp, số lượng CHDTTCD được sử dụng nhiều nhất, sau đó đến trình độ cơ sở và trung cấp.

CHDTTCD có 6 kiểu nhỏ. Tuy nhiên chỉ kiểu 1 và 4 được sử dụng nhiều. Kiểu 2,6 không được sử dụng. Kiểu 5 không được sử dụng ở trình độ cơ sở và trung cấp.

3.2. Câu hỏi đáp trong hoạt động dạy học trên lớp

3.2.1 Câu hỏi đáp của CHDPT

3.2.1.1 Kết quả khảo sát câu hỏi đáp của CHDTP trong các lớp học ở 3 trình độ

Khảo sát CHĐ của CHDPT trong các lớp học ở 3 trình độ, kết quả cho thấy CHĐ của CHDPT ở trình độ cao cấp có số lượng lớn nhất (chiếm 43%). Số lượng câu hỏi đáp của CHDPT ở trình độ cơ sở lớn thứ 2 (30%). Số lượng câu hỏi đáp của CHDPT ở trình độ trung cấp là ít nhất (27%).

3.2.1.2 Kết quả khảo sát câu hỏi đáp của các kiểu CHDPT

Theo kết quả khảo sát câu hỏi đáp trong các lớp học ở ba trình độ, kiểu 1 chiếm số lượng nhiều nhất (74%). Sau đó đến CHĐ của kiểu 2 (23%) và kiểu 3 (3%). Số lượng CHĐ không tương ứng với số lượng câu hỏi.

3.2.1.3 Đánh giá về việc sử dụng câu hỏi đáp của CHDPT trong các lớp học ở các trình độ.

Số lượng câu hỏi đáp không tương ứng với số lượng câu hỏi. Ở trình độ cao cấp, số lượng câu hỏi không có CHĐ lớn nhất.

Trong các kiểu nhỏ của CHDPT ở 3 trình độ, kiểu 1 có số lượng câu hỏi không có CHĐ lớn nhất, sau đó lần lượt đến kiểu 2 và kiểu 3.

3.2.2 Câu hỏi đáp của CHCĐTNV

3.2.2.1. Kết quả khảo sát câu hỏi đáp của CHCĐTNV

Theo kết quả khảo sát, số lượng CHĐ sử dụng ở 3 trình độ không tương ứng với số lượng câu hỏi, giảm đi nhiều so với câu hỏi. Câu hỏi đáp CHCĐTNV ở trình độ cơ sở được sử dụng nhiều nhất (chiếm 37%). Tiếp theo là trình độ cao cấp sử dụng CHĐ nhiều thứ 2 (33%). Trình độ trung cấp sử dụng CHĐ ít nhất (30%).

3.2.2.2. Kết quả khảo sát câu hỏi đáp của các kiểu CHCĐTNV

Theo kết quả khảo sát, số lượng CHĐ kiểu 1 được sử dụng nhiều nhất (52%), sau đó lần lượt đến CHĐ kiểu 2 (14%), kiểu 5 (12%), kiểu 4 (8%), kiểu 6 (7%), kiểu 3 (6%). Số lượng CHĐ của các kiểu có sự chênh lệch lớn.

3.2.2.3 Đánh giá về việc sử dụng câu hỏi đáp của CHCĐTNV trong các lớp học ở 3 trình độ

Theo kết quả khảo sát, số lượng câu hỏi đáp không tương ứng với câu hỏi. Đặc biệt ở trình độ cao cấp, số lượng câu hỏi đáp giảm nhiều so với số lượng câu hỏi.

Trong mỗi kiểu nhỏ của CHCĐTNV, CHĐ kiểu 1 được sử dụng nhiều nhất, sau đó lần lượt đến các kiểu 2,5,4,6,3.

3.2.3. Câu hỏi đáp của CHLC

3.2.3.1 Kết quả khảo sát CHĐ của CHLC

Theo kết quả khảo sát ở 3 trình độ, số lượng CHĐ có giảm so với số lượng câu hỏi nhưng không đáng kể.

Ở trình độ trung cấp, số lượng CHĐ nhiều nhất (40%). Sau đó đến trình độ cơ sở (36%) và trình độ cao cấp (18%).

3.2.3.2 Đánh giá về việc sử dụng câu hỏi đáp của CHLC trong các lớp ở các trình độ

Số lượng câu hỏi đáp giảm so với CHLC nhưng không đáng kể. Trong đó ở trình độ trung cấp có số lượng câu hỏi không có câu hỏi đáp chiếm số lượng nhiều nhất. Sau đó lần lượt đến trình độ cao cấp và cơ sở. Đây là loại CH không có kiểu câu hỏi nhỏ nên cũng không có CHĐ của kiểu câu hỏi nhỏ.

3.2.4 Câu hỏi đáp của CHDTTCD

3.2.4.1 Kết quả khảo sát CHĐ của CHDTTCD

Theo kết quả khảo sát số lượng CHĐ giảm nhiều so với số lượng câu hỏi. Ở 3 trình độ, trình độ cao cấp sử dụng nhiều CHĐ nhất (62%), sau đó đến trình độ cơ sở (23%), trình độ trung cấp (15%).

3.2.4.2 Kết quả khảo sát CHĐ của kiểu CHDTTCD

Theo kết quả khảo sát, CHĐ của kiểu 4 được sử dụng nhiều nhất (52%). Sau đó đến CHĐ của kiểu 1 (41%), kiểu 3 (7%). Có kiểu không có CHĐ như kiểu 2, kiểu 5. Số lượng CHĐ của các kiểu CHDTTCD chênh nhau lớn.

3.2.4.3 *Đánh giá về việc sử dụng câu hỏi đáp của CHD TTCD trong các lớp học ở các trình độ.*

Số lượng câu hỏi đáp giảm nhiều so với câu hỏi. Trong đó ở trình độ cơ sở, số lượng CHĐ giảm một nửa so với câu hỏi. Sau đó lần lượt đến trình độ cao cấp và trung cấp đều có số lượng CHĐ giảm đi so với CHD TTCD.

Trong các kiểu CHĐ của CHD TTCD cũng có sự chênh lệch lớn. Trong đó, CHĐ của kiểu 4 sử dụng nhiều nhất, sau đó lần lượt đến đến CHĐ kiểu 1, 3, 5. Kiểu 2 không có CHĐ.

3.3. Các hoạt động dạy câu hỏi – câu hỏi đáp trong lớp học

3.3.1 Mô tả hoạt động dạy trong các lớp học

Để thấy rõ hơn hoạt động dạy trong các lớp học ở cả 3 trình độ, chúng tôi chọn đi vào mô tả chi tiết một buổi dạy trên lớp ở cả 3 trình độ và đưa ra những nhận xét về hoạt động dạy trong các lớp học.

3.3.2 Hoạt động nói và viết

Trong các hoạt động này các sinh viên có thể luyện tập, thực hành các kiến thức ngữ pháp trong bối cảnh giao tiếp cụ thể. Hoạt động nói trong lớp học gồm các hoạt động như luyện tập có kiểm soát và thực hành hội thoại tự do. Các hoạt động này được tiến hành dưới các hình thức đơn thoại và đôi thoại.

Tiến hành thống kê số lượng đơn thoại và đôi thoại trong lớp học ở ba trình độ thu được kết quả:

Hình thức đôi thoại được sử dụng nhiều hơn đơn thoại. Cụ thể ở trình độ cơ sở có 1631 đôi thoại và 55 đơn thoại. Ở trình độ trung cấp có 1224 đôi thoại và 84 đơn thoại. Trình độ cao cấp có 1745 đôi thoại và 179 đơn thoại.

3.4. Nhận xét về hoạt động dạy câu hỏi – đáp trên lớp từ quan điểm giao tiếp

Đưa ra những nhận xét về hoạt động dạy câu hỏi trên lớp theo quan điểm giao tiếp.

PHẦN KẾT LUẬN

Luận án đã tập trung nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp của câu hỏi chính danh trong các sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và trong hoạt động dạy nhìn từ quan điểm giao tiếp.

1. Luận án trình bày các hướng nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp theo cấu trúc và chức năng, hướng nghiên cứu câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Luận án đã làm sáng tỏ những quan niệm về câu hỏi và câu hỏi đáp, cách phân loại câu hỏi, lý thuyết về dạy ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp. Qua đó, chúng tôi vận dụng những lý thuyết này để nhận diện câu hỏi, khảo sát các câu hỏi chính danh trong các hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo quan điểm giao tiếp.

2. Luận án làm sáng tỏ các đặc điểm của câu hỏi chính danh và câu hỏi đáp trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt nói chung và hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nói riêng.

3. Luận án đã khảo sát tình hình sử dụng câu hỏi chính danh và câu hỏi đáp của câu hỏi này trong 3 bộ giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài trình độ cơ sở, trung cấp, cao cấp. Kết quả cho thấy có 4 loại câu hỏi chính danh được sử dụng trong các giáo trình: Câu hỏi dùng phụ từ, Câu hỏi có đại từ nghi vấn, Câu hỏi lựa chọn, Câu hỏi dùng tiểu từ chuyên dụng. Trong tổng số 1357 câu hỏi chính khảo sát được trong 3 bộ giáo trình, Câu hỏi có đại từ nghi vấn có số lượng nhiều nhất (1685 câu), sau đó đến câu hỏi dùng phụ từ (429 câu), câu hỏi dùng tiểu từ chuyên dụng (199 câu), câu hỏi lựa chọn (44 câu). Số lượng câu hỏi đáp không tương ứng với câu hỏi. Số lượng câu hỏi và câu hỏi đáp phân bố theo trình độ cũng khác nhau và chưa hợp lý. Cụ thể về phân bố câu hỏi, trình độ cơ sở phân bố 662 câu, trình độ trung cấp phân bố 384 câu, trình độ cao cấp 311 câu. Số lượng câu hỏi và câu hỏi đáp của 3 bộ giáo trình phân bố theo bố cục giống nhau. Cụ thể phân bố nhiều nhất ở Bài luyện, sau đó lần lượt đến Bài tập, Hội thoại, Ghi chú ngữ pháp, Bài đọc. Luận án chỉ chỉ ra các giáo trình chỉ tập trung sử dụng nhiều một loại câu hỏi. Trong loại câu hỏi đó, chỉ tập trung sử dụng một kiểu câu hỏi nhỏ, các kiểu còn

lại sử dụng rất ít hoặc không sử dụng. Trong việc dạy tiếng, việc dùng các loại câu hỏi khác nhau sẽ là một cách làm cho người học làm chủ được cách sử dụng ngôn ngữ hướng vào các mục tiêu nhất định trong quá trình giao tiếp. Việc nắm vững và sử dụng các loại câu hỏi khác nhau sẽ giúp sinh viên tạo ra các đối thoại, tạo ra môi trường giao tiếp khi học ngoại ngữ.

4. Luận án cũng khảo sát tình hình sử dụng câu hỏi và câu hỏi đáp trong hoạt động dạy trong các lớp học ở 3 trình độ cơ sở, trung cấp và cao cấp. Kết quả khảo sát cũng cho thấy có 4 loại câu hỏi chính danh được sử dụng trong các lớp học. Trong tổng số 4868 câu hỏi thì Câu hỏi có đại từ nghi vấn có 3019 câu, câu hỏi dùng phụ từ có 1391 câu, câu hỏi dùng tiểu từ chuyên dụng có 282 câu và câu hỏi lựa chọn có 176 câu. Loại câu hỏi có đại từ nghi vấn được sử dụng dụng nhiều nhất. Điều này cho thấy trong quá trình dạy giáo viên chỉ tập trung nhiều vào một loại câu hỏi, thậm chí tập trung vào một kiểu của loại câu hỏi này. Số lượng câu hỏi đáp không tương ứng với số lượng câu hỏi. Số lượng câu hỏi và câu hỏi đáp sử dụng trong 3 lớp ở 3 trình độ mà chúng tôi khảo sát được có sự khác nhau. Cụ thể trong lớp học ở trình độ cơ sở có 1636 câu hỏi – 1441 câu hỏi đáp; trong lớp ở trình độ trung cấp có 1308 câu hỏi-1212 câu hỏi đáp; trong lớp ở trình độ cao cấp có 1924 câu hỏi – 1524 câu hỏi đáp. Có thể thấy ở trình độ cao cấp đã diễn ra nhiều cuộc đối thoại hơn so với trình độ cơ sở và trung cấp. Tuy nhiên theo kết quả mà chúng tôi khảo sát thì các cuộc đối thoại này chủ yếu diễn ra giữa giáo viên và sinh viên, có rất ít hội thoại nhóm giữa các sinh viên.

5. Luận án cũng đưa ra những nhận xét, đánh giá và đề xuất việc sử dụng các câu hỏi và câu hỏi đáp trong các giáo trình cũng như trong hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Những kiến giải và kết luận có thể còn chưa thỏa đáng, chúng tôi mong nhận được sự đóng góp của các chuyên gia, các thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp cũng như những người có cùng mối quan tâm để hoàn thiện nghiên cứu này trong tương lai.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Thi Nhu Quynh (2021), “Some remark on the questions with interrogative pronouns in Vietnamese textbooks for non-Vietnamese speakers”, *Humanitarian Scientific Bulletin* (7), pp.112-122. ISSN 2541-7509.
2. Nguyen Thi Nhu Quynh (2022), “Questions with interrogative particle and answers in Vietnamese classes for non-Vietnamese speakers”, *Universum: Philology and Art History* 4 (94), pp 48-56. ISSN 2311-2859.